

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC LUẬT HỆ CHÍNH QUY KHÓA 38 (Đợt 4)

(Kèm theo Quyết định số: QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

SỐ TT	SỐ VÀO SỐ	HỌ VÀ TÊN 1624	NGÀY SINH	GIỚI	SỐ TC TL	ĐIỂM TBC		XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP	TÊN LỚP	GHI CHÚ
						HỆ 10	HỆ 4			
1.		Nguyễn Thị Trang	13/08/1995	Nữ	120	6.75	2.55	Khá	380115	
2.		Phạm Văn Thuận	20/10/1994	Nam	149	7.87	3.22	Giỏi	380122	
3.		Trần Thị Nga	24/11/1994	Nữ	123	6.77	2.59	Khá	380125	
4.		Nguyễn Thanh Tâm	05/04/1993	Nữ	122	6.80	2.53	Khá	380135	
5.		Trần Thị Phương Thảo	09/04/1995	Nữ	131	6.85	2.64	Khá	380144	
6.		Ngô Hoàng Hải	04/03/1995	Nam	133	6.57	2.41	Trung bình	380145	
7.		Lò Văn Trọng	04/12/1994	Nam	125	6.32	2.26	Trung bình	380162	
8.		Hà Thị Dỹ	24/05/1990	Nữ	126	6.74	2.49	Trung bình	380219	
9.		Ngô Thị Thu Thủy	24/04/1995	Nữ	120	6.87	2.67	Khá	380224	
10.		Trần Thị Hương	28/03/1995	Nữ	123	6.80	2.65	Khá	380246	
11.		Nguyễn Thị Dung Hạnh	20/02/1995	Nữ	122	7.27	2.86	Khá	380258	
12.		Nguyễn Quang Đức	15/06/1995	Nam	120	7.50	3.08	Khá	380344	
13.		Nguyễn Thị Thu Hương	21/07/1994	Nữ	120	6.79	2.60	Khá	380346	
14.		Lê Thị Thanh Phương	06/09/1994	Nữ	125	6.91	2.61	Khá	380352	
15.		Bùi Thị Huế	17/02/1994	Nữ	123	6.51	2.39	Trung bình	380365	

16.		Phàn A Thương	04/12/1994	Nam	123	7.38	2.93	Khá	380431	
17.		Phạm Thị Dịu	04/08/1994	Nữ	120	6.60	2.43	Trung bình	380509	
18.		Trần Thị Loan	22/09/1995	Nữ	134	6.65	2.51	Khá	380601	
19.		Cầm Thúy An	26/03/1995	Nữ	128	6.78	2.57	Khá	380608	
20.		Nguyễn Duy Nhật	08/07/1995	Nam	124	6.48	2.36	Trung bình	380640	
21.		Hà Quang Huy	20/10/1994	Nam	120	6.80	2.56	Khá	380664	
22.		Nguyễn Thị Dung	10/10/1994	Nữ	137	6.70	2.50	Khá	380668	
23.		Trịnh Thị Thùy Dương	27/08/1995	Nữ	130	7.93	3.27	Giỏi	380752	
24.		Khà Thị Huyền	30/03/1994	Nữ	123	6.81	2.59	Khá	380754	
25.		Nông Hoàng Phương	26/07/1994	Nam	121	6.33	2.27	Trung bình	380757	
26.		Nguyễn Thị Đan	22/08/1995	Nữ	133	6.73	2.52	Khá	380814	
27.		Sùng Sinh Trang	12/07/1994	Nam	127	6.26	2.23	Trung bình	380836	
28.		Bùi Xuân Quân	18/09/1995	Nam	123	7.89	3.22	Giỏi	380856	
29.		Hà Xuân Sơn	25/11/1993	Nam	120	6.13	2.14	Trung bình	380865	
30.		Nguyễn Thị Trà Vân	27/03/1995	Nữ	135	7.81	3.21	Giỏi	380933	
31.		Lê Thị Thảo	27/02/1995	Nữ	121	6.92	2.66	Khá	381030	
32.		Đinh Thị Hương Giang	23/07/1994	Nữ	128	6.43	2.35	Trung bình	381063	
33.		Quách Thị Trang	01/02/1993	Nữ	125	6.62	2.45	Trung bình	381065	
34.		Thào A Sùng	07/10/1993	Nam	120	6.06	2.10	Trung bình	381068	
35.		Nguyễn Thị Lan	12/10/1994	Nữ	127	6.70	2.52	Khá	381102	
36.		Triệu Văn Toàn	24/04/1995	Nam	131	6.74	2.54	Khá	381109	
37.		Trịnh Thị Ban Mai	30/12/1995	Nữ	120	6.92	2.63	Khá	381167	
38.		Hoàng Thị Tuyền	17/11/1995	Nữ	136	6.53	2.39	Trung bình	381249	

39.		Trần Nhật Hà	16/09/1995	Nữ	121	7.42	2.98	Khá	381255	
40.		Vũ Trần Phương Trang	06/06/1995	Nữ	124	7.68	3.14	Khá	381270	
41.		Lý Thị Hoa	14/03/1995	Nữ	122	6.44	2.34	Trung bình	381301	
42.		Dương Kiều Vân	30/11/1994	Nữ	126	6.77	2.51	Khá	381327	
43.		Mai Quang Huy	27/06/1995	Nam	126	6.57	2.45	Trung bình	381333	
44.		Chu Quang An	18/08/1995	Nam	124	6.68	2.55	Khá	381432	
45.		Nguyễn Thu Nga	15/09/1995	Nữ	120	7.53	2.99	Khá	381449	
46.		Nguyễn Thị Bích Ngọc	08/08/1995	Nữ	122	6.59	2.45	Trung bình	381512	
47.		Vũ Thị Ngọc Lê	25/09/1995	Nữ	120	6.91	2.68	Khá	381518	
48.		Lê Thị Hồng	08/07/1995	Nữ	123	7.24	2.83	Khá	381530	
49.		Nguyễn Thị Trang	15/12/1995	Nữ	120	6.90	2.66	Khá	381617	
50.		Nguyễn Anh Tú	18/02/1995	Nam	120	7.14	2.78	Khá	381622	
51.		Trịnh Duy Phương	05/12/1995	Nam	129	6.85	2.63	Khá	381634	
52.		Ma Thị Tuyết	27/12/1994	Nữ	121	6.65	2.45	Trung bình	381716	
53.		Hồ Thị Mỹ Dung	26/01/1995	Nữ	121	7.24	2.90	Khá	381739	
54.		Hoàng Văn Nghĩa	02/05/1994	Nam	124	6.68	2.55	Khá	381767	
55.		Bàn Hồng Hạnh	14/05/1995	Nữ	126	6.42	2.35	Trung bình	381804	
56.		Đinh Văn Kiện	28/12/1991	Nam	123	6.63	2.26	Trung bình	381827	
57.		Đoàn Việt Hà	28/08/1995	Nữ	120	6.85	2.62	Khá	381850	
58.		Lương Thị Minh Nguyệt	07/04/1995	Nữ	120	6.53	2.42	Trung bình	381851	
59.		Vũ Hà Phương	10/11/1995	Nữ	120	7.06	2.78	Khá	381853	
60.		Trần Trọng Hiếu	19/07/1994	Nam	124	6.88	2.58	Khá	381865	
61.		Lê Thị Mai Anh	27/07/1995	Nữ	127	7.19	2.85	Khá	381937	

62.		Ngô Thùy Trang	17/04/1995	Nữ	124	6.81	2.63	Khá	381941	
63.		Nguyễn Thị Thanh Huyền	26/07/1995	Nữ	120	6.99	2.75	Khá	382014	
64.		Nguyễn Thị Kim Tiến	18/11/1995	Nữ	128	6.50	2.43	Trung bình	382028	
65.		Hạ Bá Chùa	26/06/1993	Nam	125	6.36	2.31	Trung bình	382064	
66.		Trịnh Huyền Linh	27/02/1995	Nữ	130	7.04	2.73	Khá	382106	
67.		Đàm Thị Lộc	24/03/1994	Nữ	134	7.86	3.20	Giỏi	382114	
68.		Nguyễn Thị Thu Trang	20/12/1995	Nữ	134	7.85	3.19	Khá	382154	
69.		Mai Thị Nhung	01/03/1995	Nữ	121	6.99	2.73	Khá	382330	
70.		Nguyễn Phương Mai	20/12/1994	Nữ	121	6.69	2.49	Trung bình	382345	
71.		Nguyễn Thị Mỹ Linh	20/12/1994	Nữ	126	6.88	2.63	Khá	382355	
72.		Đoàn Thu Huyền	29/12/1995	Nữ	121	7.33	2.91	Khá	382368	
73.		Dương Mạnh Cường	29/03/1995	Nam	121	7.34	2.94	Khá	382506	
74.		Lưu Minh Tuấn	09/03/1994	Nam	121	6.99	2.73	Khá	382519	
75.		Nguyễn Thị Vân Anh	24/01/1995	Nữ	122	7.14	2.78	Khá	382608	
76.		Bùi Chính Tâm	18/03/1995	Nam	121	7.37	2.95	Khá	382718	
77.		Nguyễn Thị Thùy Dung	12/11/1994	Nữ	120	6.98	2.73	Khá	382738	
78.		Lê Thu Trang	08/05/1995	Nữ	121	7.15	2.83	Khá	382755	
79.		Nguyễn Thùy Linh	06/12/1995	Nữ	121	7.09	2.80	Khá	382763	

Danh sách gồm 79 sinh viên